

Đ L, ngày 04 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y S; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ L, Huyện Đ L, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Anh A Tr; Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Đ A, xã Đ L, Huyện Đ L, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào các Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y S và anh A Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y S và anh A Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự có một con chung là A Gia H; sinh ngày 20/02/2016; chị Y S là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A Gia H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh A Tr không phải đóng góp tiền cấp dưỡng để nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con (anh A Tr) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo đúng quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản (tiền, tài sản riêng; tiền, tài sản cho nợ chung; tiền, tài sản nợ chung; tiền, tài sản chung):

Các đương sự đều xác nhận: Không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung; không có tiền, tài sản nợ chung; không có tiền, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*):

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Y S và anh A Tr mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp vào Ngân sách Nhà nước; các đương sự thống nhất: Chị Y S thay anh A Tr nộp toàn bộ số tiền này. Chị Y S được chuyển số tiền 300.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004593, ngày 26 tháng 3 năm 2019 thành tiền án phí; chị Y S còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng, nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ L, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND Cấp cao tại TP Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Kon Tum;*
- *VKSND Huyện Đ L;*
- *Chi cục THA Huyện Đ L;*
- *Ủy ban nhân dân xã Đ L, Huyện Đ L*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân

